

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106 /STC-HCSN
V/v báo cáo đánh giá tình hình thực
hiện chế độ tự chủ của các đơn vị sự
nghiệp công lập năm 2018

An Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Để có đầy đủ số liệu tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 theo quy định, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương tổng hợp số liệu và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ như sau:

a) Đối với báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập năm 2018 trên địa bàn tỉnh theo phụ lục 01, 02 và biểu mẫu báo cáo số 01, 02 kèm theo.

b) Đối với báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: Các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác năm 2018 thuộc phạm vi quản lý theo phụ lục 03, 04 và biểu mẫu báo cáo số 03,04 kèm theo.

c) Đối với báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực còn lại (giáo dục-đào tạo-dạy nghề; y tế; văn hóa- thể thao; đảm bảo xã hội; PTTT): Các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo đánh giá kết quả thực

hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 thuộc phạm vi quản lý theo phụ lục 05, 06 và biểu mẫu báo cáo số 05, 06 kèm theo.

2. Các nội dung báo cáo đánh giá nêu trên, các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi Sở Tài chính **trước ngày 16/02/2019** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định, đồng thời, gửi file mềm báo cáo vào địa chỉ sau:

- Đối với báo cáo của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh : dnttuyen@angiang.gov.vn.
- Đối với báo cáo của UBND cấp huyện: ntdtrang01@angiang.gov.vn.

Lưu ý: Các đơn vị có thể tham khảo và tải các biểu mẫu tại Cổng thông tin của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.angiang.gov.vn>, Mục “Văn bản Sở Tài chính và thực hiện đầy đủ và đúng theo các biểu mẫu nêu trên.

Rất mong các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, phối hợp thực hiện, báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh “để báo cáo”;
- Phòng TC-KH các huyện, thị, thành;
- Ban Giám đốc;
- Phòng NS (tổng hợp cấp huyện);
- VP Sở; TTTĐTC (thực hiện báo cáo);
- Phòng Tin học;
- Lưu VT, HCSN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP NĂM

I. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Số lượng các nhiệm vụ KH&CN (chi tiết theo nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp Bộ, địa phương và cấp cơ sở tương ứng với số kinh phí thực hiện), trong đó:

a) Số lượng các nhiệm vụ KH&CN đã hoàn thành (nêu những kết quả nổi bật đã đạt được).

b) Số lượng các nhiệm vụ KH&CN đang thực hiện.

2. Việc thực hiện cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công (nêu cụ thể các dịch vụ cung cấp).

3. Về hợp tác quốc tế, liên doanh liên kết với doanh nghiệp trong việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

4. Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN của tổ chức.

5. Các nhiệm vụ khác.

II. Về việc sử dụng nguồn lực tài chính

Báo cáo khái quát về các nguồn lực tài chính, việc sử dụng các nguồn lực tài chính và phân phối kết quả tài chính, trong đó nêu cụ thể các nội dung:

1. Về nguồn thu:

a) Dự toán được giao.

b) Thực hiện trong năm (Trong đó liệt kê các khoản thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do tổ chức tự quyết định, nếu có).

2. Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn (nêu chi tiết theo từng dự án, đề án và nội dung triển khai):

a) Về việc triển khai vay vốn của các tổ chức tín dụng, các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (chi tiết các khoản vay).

b) Về việc huy động vốn của công chức, viên chức trong đơn vị.

3. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

a) Số kinh phí đã trích lập trong năm:

b) Số kinh phí đã sử dụng trong năm (nêu các nội dung chi cụ thể)

4. Tình hình chi trả thu nhập tăng thêm:

a) Tổng thu nhập tăng thêm của đơn vị: triệu đồng.

b) Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần (trong đó: người có thu nhập tăng thêm cao nhất: đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:.... đồng/tháng).

(Biểu báo cáo số 01-KH&CN kèm theo)

III. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

IV. Đề xuất, kiến nghị

....., Ngày... tháng....năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Người lao động và Quỹ lương			
1	Tổng số người lao động, trong đó:	Người		
	Số lượng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao			
	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên			
2	Tổng quỹ lương ngạch, bậc chức vụ	Triệu đồng		
II	Nguồn tài chính	Triệu đồng		
1	Nguồn thu sự nghiệp			
1.1	Nguồn thu phí được để lại			
1.2	Nguồn thu từ các nhiệm vụ KHCN và dịch vụ sự nghiệp			
1.3	Nguồn thu từ hoạt động SXKD, liên doanh liên kết			
1.4	Thu khác			
2	Nguồn NSNN hỗ trợ			
2.1	Chi thường xuyên theo chức năng			
	<i>Trong đó: Chi tiền lương</i>			
2.2	Chi không thường xuyên			
a	Chi đầu tư phát triển			
b	Chi sự nghiệp			
III	Huy động vốn	Triệu đồng		
1	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước			
2	Vốn vay của các Quỹ KHCN			
3	Vốn vay của các tổ chức tín dụng			
4	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị			
5	Huy động khác (nếu có)			
IV	Sử dụng các nguồn tài chính	Triệu đồng		
1	Chi tiền lương, tiền công			
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN; hoạt động chuyên môn, quản lý			
2.1	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN			
2.2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý			
3	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ			
4	Chi các nhiệm vụ không thường xuyên, trong đó:			
	<i>Chi đầu tư phát triển</i>			
	<i>Chi từ nguồn thu phí được để lại</i>			
5	Chi khác			
	<i>Trong đó: Chi trả lãi vốn vay</i>			
IV	Nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác	Triệu đồng		
V	Phân phối kết quả tài chính	Triệu đồng		
1	Chênh lệch thu chi thường xuyên trong năm			
2	Trích lập các Quỹ			
2.1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			
2.2	Quỹ bổ sung thu nhập			
2.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
2.4	Quỹ khác			

Người lập biểu
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP NĂM**

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Đánh giá chung về những kết quả nổi bật đã đạt được trong năm (gồm: Việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; việc thực hiện cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công; về ứng dụng chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tổ chức KH&CN, ...)

II. Việc triển khai tự chủ tài chính:

1. Về số lượng tổ chức KH&CN được giao tự chủ: đơn vị, trong đó:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: đơn vị
- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị

2. Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn (nêu chi tiết theo từng dự án, đề án và nội dung triển khai).

3. Về kết quả thực hiện tự chủ tài chính

3.1. Về tình hình thực hiện trích lập các Quỹ và sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

3.2. Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần: đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 1 - 2 lần: đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2-3 lần: đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần: đơn vị

(Biểu báo cáo số 02-KH&CN kèm theo)

III. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

IV. Đề xuất, kiến nghị

....., Ngày... tháng... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan

BÁO CÁO TỔNG HỢP

TT	Tên đơn vị	Huy động vốn (triệu đồng)					Sử dụng các nguồn tài chính (triệu đồng)							Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)								
		Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước	Vốn vay của các Quỹ KHCN	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Tổng số	Chi tiên lương	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN; hoạt động chuyên môn, quản lý	Chi thực hiện các hoạt động dịch vụ	Chi các nhiệm vụ không		Chi khác	Nộp thu và các khoản phải nộp NSNN khác (nếu có) (triệu đồng)	Chênh lệch thu chi thường xuyên trong năm	Trích lập các Quỹ						
											Tổng kinh phí	Trong đó				Chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN	Chi từ nguồn thu phí để lại	Tổng kinh phí	Trong đó: Chi trả lãi vay	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ bổ sung thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi
	TỔNG SỐ	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	22a	22b	23	23a	24	25	26	27	28	29	
I	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>																					
II	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>																					
III	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>																					
IV	Tổ chức KHCN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>																					

Người lập biểu
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan quản lý cấp trên
Đơn vị: ...

Phụ lục số 03-SNKT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH
TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tầng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp, thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí, lệ phí: thu theo quyết định số...

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...

- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)

+ Dự toán thu:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu: Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác; nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí để lại chi thường xuyên; nguồn NSNN cấp chi thường xuyên theo số lượng người làm việc...)

+ Số thực hiện:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên).

- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

+ Dự toán chi... triệu đồng

+ Số thực hiện....triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): triệu đồng, trong đó chi tiết từng quỹ.

Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị:triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị:... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:... triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ vay... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

7. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số 03-SNKT kèm theo)

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

... Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM...

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng			
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	Nguồn thu, chi thường xuyên				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí*				
c	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:				
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công				
d	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do NN bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)				
h	Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
2	Chi thường xuyên				
a	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí				
c	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
d	Chi thường xuyên ngân sách cấp trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Chi từ nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Chi hoạt động khác (nếu có)				
h	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
3	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = 1-2)				
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự điểm h mục 1, 2 nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
	Trích Quỹ khác (nếu có)				
4	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Dưới 01 lần lương				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương				
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương				
	Từ trên 3 lần lương				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/thán			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/thán			
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên (Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm b.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan quản lý cấp trên
Đơn vị: ...

Phụ lục số 04-SNKT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Bộ Tài chính)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng và tình hình tinh giản biên chế trong các đơn vị.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý trong các đơn vị (nếu có).

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của các đơn vị...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN; đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

- Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác: đơn vị.

- Số đơn vị đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ đơn vị, trong đó:

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:.... đơn vị.

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:.... đơn vị.

+ Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: đơn vị.

+ Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số..... ; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định; đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công...

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên (bao gồm số nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác).

c) Phân phối kết quả tài chính (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các Quỹ):... triệu đồng.

Sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; quỹ khác nếu có), cụ thể:

Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần lương:... đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần lương:... đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương:... đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương trở lên:.... đơn vị.

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ/Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ %).

Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên:....đơn vị/ so với tổng số đơn vị giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ... %)

Số chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên.... triệu đồng. Các giải pháp tiết kiệm chi, tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng:

Số đơn vị vay vốn:.... đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn vay cao nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

Đơn vị có số vốn vay thấp nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị:

Số đơn vị có huy động vốn:....đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn huy động cao nhất.... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị)

Đơn vị có vốn huy động thấp nhất ... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị).

- Các giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên.

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

6. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số 04-SNKT kèm theo)

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

... Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Số TT	Tên đơn vị	Phân phối kết quả tài chính (trillion đồng)										Thu nhập tăng thêm						Nguồn thu, chính tiền vụ không thường xuyên (trillion đồng)		Vốn vay, vốn huy động (trillion đồng)		
		Chênh lệch thu chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (trillion đồng)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (lên/dơn vị)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (trillion đồng/tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (trillion đồng/tháng)	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của các bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho các bộ, viên chức						
A	B	26-8+...+15)-(18+...+24) =27+28+29+30	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43			
	Tổng số																					
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																					
1	Đơn vị.....																					
2	Đơn vị.....																					
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																					
1	Đơn vị.....																					
2	Đơn vị.....																					
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đến chi phí)																					
1	Đơn vị.....																					
2	Đơn vị.....																					
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chương trình, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																					
1	Đơn vị.....																					
2	Đơn vị.....																					

* Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số thực hiện

Cơ quan quản lý cấp trên
Đơn vị: ...

Phụ lục số 05-SN YT; GD; ĐT; VH; LĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC
LĨNH VỰC Y TẾ; GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO; DẠY NGHỀ; ĐẢM BẢO XÃ HỘI;
VĂN HÓA, THỂ THAO; PTTH
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tầng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp, thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí, lệ phí: thu theo quyết định số...

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...

- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)

+ Dự toán thu:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu: Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác; nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí để lại chi thường xuyên; nguồn NSNN cấp chi thường xuyên theo số lượng người làm việc...)

+ Số thực hiện:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên).

- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

+ Dự toán chi... triệu đồng

+ Số thực hiện....triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): triệu đồng, trong đó chi tiết từng quỹ.

Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị:triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị:... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:... triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ vay... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

7. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số 05-SN YT; GD,ĐT; VH; LĐ kèm theo)

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)

... Ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM...

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng			
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	Nguồn thu, chi thường xuyên				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí*				
c	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó: Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công				
d	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do NN bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)				
h	Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
2	Chi thường xuyên				
a	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí				
c	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
d	Chi thường xuyên ngân sách cấp trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Chi từ nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Chi hoạt động khác (nếu có)				
h	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
3	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = 1-2)				
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự điểm h mục 1, 2 nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú.
	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
	Trích Quỹ khác (nếu có)				
4	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Dưới 01 lần lương				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương				
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương				
	Từ trên 3 lần lương				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/thán			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/thán			
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên</i> (Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên (Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm b.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan quản lý cấp trên
Đơn vị: ...

Phụ lục số 06-SN YT; GD; ĐT; VH; LĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ; GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO;
DẠY NGHỀ; ĐẢM BẢO XÃ HỘI; VĂN HÓA, THỂ THAO; PTTH
NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Bộ Tài chính)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo; dạy nghề; đảm bảo xã hội; văn hóa, thể thao; PTTH theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo; dạy nghề; đảm bảo xã hội; văn hóa, thể thao; PTTH trực thuộc

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng và tình hình tinh giản biên chế trong các đơn vị.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý trong các đơn vị (nếu có).

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của các đơn vị...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN; đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo; dạy nghề; đảm bảo xã hội; văn hóa, thể thao; PTTH

- Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế; giáo dục, đào tạo; dạy nghề; đảm bảo xã hội; văn hóa, thể thao; PTTH : đơn vị.

- Số đơn vị đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đơn vị, trong đó:

- + Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:..... đơn vị.
- + Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:..... đơn vị.
- + Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: đơn vị.
- + Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số..... ; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định; đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công...

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên (bao gồm số nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác).

c) Phân phối kết quả tài chính (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các Quỹ):... triệu đồng.

Sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; quỹ khác nếu có), cụ thể:

Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần lương:... đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần lương:... đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương:... đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương trở lên:..... đơn vị.
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ/Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ %).

Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Số đơn vị có chênh lệnh thu lớn hơn chi thường xuyên:....đơn vị/ so với tổng số đơn vị giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ... %)

Số chênh lệnh thu lớn hơn chi thường xuyên.... triệu đồng. Các giải pháp tiết kiệm chi, tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng:

Số đơn vị vay vốn:.... đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn vay cao nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

Đơn vị có số vốn vay thấp nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị:

Số đơn vị có huy động vốn:....đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn huy động cao nhất.... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị)

Đơn vị có vốn huy động thấp nhất ... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị).

- Các giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên.

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

6. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số 05-SN YT; GD,ĐT; VH;LD kèm theo)

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

... Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TÔNG HỢP TÍNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC, Y TẾ, ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ, ĐẢM BẢO XÃ HỘI, VĂN HÓA, PTTT

NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, đảm bảo xã hội, PTTT, văn hóa,...	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, nghiệp khác được giao tự chủ tài chính	Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên); người	Trong đó		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (triệu đồng)										Chi thường xuyên (triệu đồng)										
					Số lượng cán bộ, viên chức (người)	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)	Quỹ tiền lương, ngân sách, chức vụ và các khoản phụ cấp (triệu đồng)	Tổng số đơn vị sự nghiệp khác	Đơn vị sự nghiệp khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác	Đơn vị sự nghiệp công, dịch vụ khác						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	Tổng số																										
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																										
1	Đơn vị.....																										
2	Đơn vị.....																										
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																										
1	Đơn vị.....																										
2	Đơn vị.....																										
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính thuế chi phí)																										
1	Đơn vị.....																										
2	Đơn vị.....																										
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																										
1	Đơn vị.....																										
2	Đơn vị.....																										

* Các chi tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm.

BIỂU TÔNG HỢP TII

Số TT	Tên đơn vị	Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					Thu nhập tăng thêm					Nguồn thu, chính tiền vụ không thường xuyên (trệu đồng)		Vốn vay, vốn huy động (trệu đồng)					
		Chênh lệch thu chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (trệu đồng)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (năm/don vị)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (trệu đồng/tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (trệu đồng/tháng)	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng			
A	B	26=8+...+15) (18+...+24) =27+28+29+30	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43
	Tổng số																		
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
1	Đơn vị.....																		
2	Đơn vị.....																		
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																		
1	Đơn vị.....																		
2	Đơn vị.....																		
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đầu chi phí, được Nhà nước đại hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đánh phí)																		
1	Đơn vị.....																		
2	Đơn vị.....																		
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																		
1	Đơn vị.....																		
2	Đơn vị.....																		

* Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số thực hiện